TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2018/DS-PT
Ngày 23 - 3 - 2018
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Bình

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 222/2018/QĐ - PT ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1960 (có mặt).

2. ông Ông Thanh S, sinh năm 1958 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A1, xã A2, huyện M, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1938 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1944 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 456 tổ 1, Ấp A1, xã A2, huyện M, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C là ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1979 (văn bản ủy quyền ngày 14/4/2017) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo*: Các nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Ông Thanh S trình bày:

Vào năm 2000, ông bà có mua đất thổ cư của ông Nguyễn Văn H2 với diện tích là là 87,5 m^2. Năm 2006, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 135224 ngày 13/6/2016. Trong quá trình sử dụng đất, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị C hộ liền kề xây nhà lấn chiếm đất của ông bà với diện tích là 0,4m x 33,52m = 13,4 m^2. Diện tích đất bị lấn chiếm tọa lạc tại ấp A3, xã A2, huyện M, tỉnh An Giang. Các nguyên đơn yêu cầu ông H, bà C trả lại diện tích đất đã lấn chiếm nêu trên và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà C vì được cấp chồng lên đất của ông bà.

Bị đơn gồm ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S, bà P. Họ cho rằng diện tích đang tranh chấp là đất của gia đình ông bà, sống ổn định và sử dụng từ năm 1976 đến nay, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện Ủy ban nhân dân (UBND) huyện M trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà C đúng theo quy định của pháp luật, diện tích đất được cấp căn cứ vào nguồn gốc mua bán với diện tích là 211,1 m^2, thuộc tờ bản đồ số 19, thửa đất số 30, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn. Đại diện UBND huyện M tỉnh An Giang xin được phép vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Ông Thanh S đối với bị đơn là Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH-01885 thuộc tờ bản đồ số 19, thửa đất số 30, diện tích 211,2 m^2 do UBND huyện M, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định tại chỗ, đình chỉ yêu cầu phản tố của ông H bà C, tuyên về phần án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/9/2017, nguyên đơn ông Ông Thanh S và bà Nguyễn Thị Thúy P kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông S và bà P nêu đã được nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Nay ông bà không nộp bổ sung thêm chứng cứ gì mới, nhưng ông bà cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ một cách không đúng nên dẫn đến việc phán quyết không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là sai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày tranh luận:

Ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Xét về nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng để phán xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ,

ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của các nguyên đơn là ông Ông Thanh S và bà Nguyễn Thị Thúy P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nhận định, đánh giá chứng cứ và phán quyết của bản án sơ thẩm xét thấy:

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Căn cứ bản vẽ ngày 29/3/2016 của văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới thể hiện diện tích đất bà P ông S đang sử dụng được đánh dấu theo các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 có diện tích là 87,5 m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC-135224 ngày 13/6/2016 mang tên bà P và ông S. Theo chỉ dẫn của bà P thì bà cho rằng các điểm 4, 5, 6, 25, 26, 27 có diện tích 8,4 m^2 là phần đất đang tranh chấp. Tuy nhiên, cũng tại bản vẽ này thì diện tích đất của ông H, Bà C đang sử dụng thực tế được đánh dấu bởi các điểm 4, 5, 6, 27, 9, 10, 25 có diện tích là 211,1 m^2, đúng với diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01885, thuộc tờ bản đồ số 19, thửa đất số 30, tọa lạc tại ấp A3, xã A2, huyện M, tỉnh An Giang do UBND huyện M cấp cho ông H bà C. Căn cứ và thẩm định tại chỗ cũng như bản vẽ do các bên chỉ dẫn nêu trên thể hiện phần đất mà hai bên được cấp chứng nhận sử dụng có các điểm chung là 4, 5, 6. Đây là những điểm trùng trên phần kẻ rảnh chứ không chồng lấn lên nhau. Đối với phần diện tích đất tại các điểm 3, 8, 29, 27 là phần đất hành lang lộ giới do Nhà nước quản lý, sử dụng vào mục đích công cộng. Mặt khác, hồ sơ cấp đất của ông H, bà C có biên bản xác định ranh mốc lập ngày 22/11/2011 có chữ ký xác nhận ranh do ông Ông Thanh S, chồng bà P, ký với tư cách chủ đất hộ liền kề. Căn cứ vào thẩm định tại chỗ cũng như bản vẽ thực tế sử dụng vào ngày 29/03/2016, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà P và ông S là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S và bà P cũng không đưa ra được chứng cứ mới so với cấp sơ thẩm để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Mặt khác các nguyên đơn cũng thừa nhận đã ký xác nhận chủ đất liền kề để bị đơn ông H bà C làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện tại mà phía nguyên đơn đề nghị Tòa án hủy. Do vậy việc ông S, bà P yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH-01885 thuộc tờ bản đồ số 19, thửa

đất số 30, diện tích 211,2 m^2 do UBND huyện M, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị C là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận nội dung đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của vị Kiểm sát viên, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

[3] Nguyên đơn ông S và bà P phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

I/ Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của các nguyên đơn ông Ông Thanh S và bà Nguyễn Thị Thúy P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Ông Thanh S đối với bị đơn là Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH-01885 thuộc tờ bản đồ số 19, thửa đất số 30, diện tích 211,2 m^2 do UBND huyện M, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị C.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị C.

Về chi phí thẩm định, định giá và đo đạc: Bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Ông Thanh S phải chịu là: 1.134.415đ (Đã thực hiện xong).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Ông Thanh S phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 333.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01992 ngày 18/3/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015901 ngày 18/4/2017 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

II/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Ông Thanh S, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0018752 ngày 05/9/2017 và số 0002068 ngày 16/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Những phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trương Văn Bình **Trần Thị Hòa Hiệp** **Phạm Thị Duyên**